

Số: 24/BC-UBND

Đức Mạnh, ngày 24 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã năm 2019

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương

a. Khái quát đặc điểm tình hình chung của địa phương

Xã Đức Mạnh nằm phía Đông bắc huyện Đăk Mil, cách trung tâm huyện 5 km; Địa giới hành chính của xã gồm: Phía Bắc giáp xã Đăk N'Drot, phía Nam giáp xã Đức Minh và xã Đăk Săk, phía Đông giáp xã Đăk Rla và xã Long Sơn, phía Tây giáp thị trấn Đăk Mil và xã Đăk Lao; Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 4902,19 ha, chiếm 7,23% diện tích toàn huyện. Toàn xã có 18 thôn; Dân số hiện nay là 3.860 hộ với 13.359 khẩu chủ yếu sống tập trung dọc Quốc lộ 14, mật độ dân số bình quân 320 người/km²; có 12 dân tộc anh em đang sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc chiếm 2%, đồng bào theo đạo công giáo chiếm trên 83%, phật giáo chiếm trên 12%. Kinh tế - Xã hội của xã ngày càng phát triển về mọi mặt đời sống nhân dân từng bước được nâng cao thu nhập bình quân đầu người hiện năm 2019 là 48 triệu đồng/người/năm, hệ thống chính trị của xã được xây dựng vững mạnh từ thôn đến xã được cấp trên công nhận xã có hệ thống chính trị vững mạnh.

Đại bộ phận dân cư có cuộc sống kinh tế dựa vào sản xuất nông nghiệp là chính, trong đó cây cà phê, hồ tiêu là cây trồng chính, ngoài ra còn có một số cây trồng khác như: Lúa nước, bơ, sầu riêng.

b. Thuận lợi và khó khăn

** Thuận lợi:*

- Đối với địa phương có lợi thế về tài nguyên đất đai; khí hậu thuận lợi, nguồn lực lao động dồi dào phù hợp cho phát triển cây công nghiệp, mà chủ lực là cây cà phê, hồ tiêu, cây ăn trái như sầu riêng, bơ...

- Được sự quan tâm của cấp trên đầu tư cơ sở hạ tầng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế ở địa phương mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân. Đặc biệt là có Quốc lộ 14 và Tỉnh lộ 682 chạy qua là điều kiện rất thuận lợi để thông thương hàng hoá.

- Có tiềm năng tài nguyên đất đai màu mỡ, hệ thống kênh thủy lợi nội đồng cơ bản hoàn thiện đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho toàn diện tích mang lại hiệu quả trong sản xuất.

** Khó khăn:*

- Phần lớn lao động chưa qua đào tạo, tập trung chủ yếu là lực lượng lao động nông thôn, chưa có sự liên kết trong sản xuất.

- Việc sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản mang tính tự phát, thiếu ý thức bảo vệ môi trường, có nguy cơ hủy hoại nguồn lợi thiên nhiên, phương pháp khai thác tiềm năng lợi thế của xã chưa được quy hoạch đúng mức.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

a. Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

Công tác tuyên truyền là việc làm thường xuyên và được chú trọng hàng đầu trong việc thực hiện chương trình. Đảng ủy xã đã ban hành Nghị quyết giao cho mỗi đoàn thể, ban ngành nhận ít nhất một tiêu chí để vận động nhân dân cũng như hội viên của hội mình.

Đầu năm Đảng ủy xã, UBND xã tổ chức và lồng ghép nhiều cuộc họp để chỉ đạo và triển khai việc tuyên truyền vận động; đồng thời chỉ đạo các chi bộ, Ban tự quản các thôn, bon khi tổ chức họp dân thì phải phối hợp lồng ghép việc tuyên truyền; mặt khác phát huy tích cực vai trò của Đài Truyền thanh cơ sở.

Ban Quản lý cấp xã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phong phú và sâu rộng bằng nhiều hình thức để vận động người dân tham gia chương trình. Nội dung tuyên truyền là các thông tin chương trình nông thôn mới, các mục tiêu cần đạt được về xây dựng nông thôn mới; mức độ, hình thức đóng góp của người dân và cộng đồng, sự hỗ trợ của nhà nước, của các tổ chức. Phát huy quyền làm chủ của người dân trong quá trình triển khai thực hiện; các công trình dự án đều phải lấy ý kiến người dân, có sự tư vấn của ngành chuyên môn để xác định được nhu cầu cấp thiết của các công trình, dự án ưu tiên đầu tư nhằm mang lại hiệu quả thiết thực. Qua đó cũng thấy được trách nhiệm của người dân và cộng đồng trong việc thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: qua Đài truyền thanh xã; lồng ghép vào các cuộc họp từ xã đến thôn, bon; treo băng rôn, pa nô để tuyên truyền...nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của người dân về tầm quan trọng của chương trình nông thôn mới.

Ban Quản lý cấp xã tổ chức đánh giá về kết quả đạt được: Phần lớn nhận thức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đã nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới; đại đa số nhân dân đã đồng tình ủng hộ và hưởng ứng thực hiện chương trình.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Ban Quản lý xã đã tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua xây dựng Nông thôn mới năm 2019 cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã (tổ chức vào ngày 26/3/2019).

Giữa UBND xã và UBMTTQ xã đã xây dựng Quy chế phối hợp cùng tổ chức triển khai thực hiện về nội dung thực hiện phối hợp tuyên truyền trên nhiều lĩnh vực, trong đó có hưởng ứng về Phong trào thi đua “Đăk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Về hình thức là triển khai thông qua các hội nghị, lồng ghép các buổi phát động quần chúng, tuyên truyền pháp luật...

3. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a. Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã và bố trí cán bộ chuyên trách xây dựng nông thôn mới của xã.

UBND xã ban hành các Quyết định để kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới (Quyết định số 95/QĐ-UBND, ngày 06/8/2019 của UBND xã Đúc Mạnh), cũng như Ban Phát triển ở các thôn khi có thay đổi về các chức danh có liên quan. UBND xã bố trí một cán bộ Địa chính - xây dựng phụ trách các hoạt động liên quan của chương trình.

b. Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình; sự phối hợp giữa các cấp, ngành, các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ cho xây dựng NTM.

Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới bao gồm tất cả các thành viên đầu ngành, các tổ chức chính trị - xã hội nên việc phối hợp triển khai thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới đồng bộ, hiệu quả. Hàng quý, Ban Chỉ đạo họp giao ban đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, triển khai nhiệm vụ mới để đảm bảo tiến độ hoàn thành các Tiêu chí đăng ký. Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo xây dựng chương trình hầu hết là cán bộ nhiệt huyết với công việc triển khai nhiệm vụ nhanh và đồng bộ. Tuy nhiên, thành viên Ban Chỉ đạo là cán bộ kiêm nhiệm, một số mới trúng cử, chưa có kinh nghiệm nên công việc còn nhiều khó khăn dẫn đến hiệu quả công việc chưa cao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

a. Công tác rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch về xây dựng nông thôn mới

Ban quản lý xã rà soát, điều chỉnh lại Quy hoạch phù hợp với thực tế của địa phương, lợi thế vùng đảm bảo Quy hoạch có chất lượng và kết nối được Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện để Quy hoạch và đề án có tính khả thi cao. Đối với Quy hoạch sản xuất chi tiết cần tập trung điều chỉnh các nội dung: Quy hoạch vùng sản xuất cho các loại cây trồng, vật nuôi có chất lượng đem lại hiệu quả cao, dễ tiêu thụ; vùng sản xuất phải tập trung để thực hiện sản xuất theo hướng hàng hoá.

Kết quả rà soát quy hoạch gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn: Nhìn chung công tác phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản phẩm hàng hóa hiệu quả, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn của xã còn chậm; chưa quy hoạch phát triển sản xuất nên phát triển sản xuất ở nhiều thôn còn mang tính tự phát.

b. Công tác lập quy hoạch chi tiết về xây dựng nông thôn mới

Sau tiến hành khi tiến hành khảo sát lập đề án xây dựng NTM, Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành họp thôn góp ý vào đề án xây dựng nông thôn mới; và khi đã hoàn thành đề án Hội đồng nhân dân đã thông qua đề án quy hoạch xây dựng NTM của xã. Hiện xã chưa được quy hoạch chi tiết.

c. Đánh giá về chất lượng quy hoạch, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

Việc quy hoạch, đề án đã được phê duyệt nhưng trong quá trình triển khai thực hiện quản lý quy hoạch là rất khó khăn, việc triển khai thực hiện chương trình của một số cán bộ chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của chương trình, kết quả chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Bên cạnh đó công tác tuyên truyền còn lúng túng, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, chưa phù hợp, một số người dân chưa hiểu được nội dung ý nghĩa của chương trình.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

Tại địa phương người dân đã hưởng ứng tích cực bằng hiến đất, tham gia công sức vào chỉnh trang, nâng cấp giao thông nông thôn; tu sửa nơi ở và các công trình công cộng; tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ..

Giao thông nông thôn: Trong thời gian qua, kiên cố hóa đường giao thông nông thôn đã trở thành các phong trào rộng khắp ở các thôn, người dân đã hiến đất và tự nguyện dỡ bỏ hàng rào, công trình phụ, cây cối, hoa màu cho mở rộng đường giao thông nông thôn ... Vì vậy đã tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát triển giao thông nông thôn.

Thủy lợi: Đã huy động nhân dân nạo vét, sửa chữa các hệ thống kênh mương cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu của nhân dân trên địa bàn xã.

Về nước sạch, vệ sinh môi trường và công trình công cộng: 10/18 thôn đã có hệ thống nước sạch tập trung đến với người dân (nhưng đến năm 2016 thì ngừng hoạt động do không đủ nguồn nước cung cấp).

3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Với một xã thuần nông, có trên 90% dân số có cuộc sống và thu nhập dựa vào nông nghiệp là chủ yếu. Trong đó cây cà phê là cây trồng chủ yếu. Nhiều năm qua giá cả của cà phê nhân xô biến động thất thường, do đó mấy năm gần đây người dân đã tập trung cải tạo vườn cây (ghép cải tạo, trồng lại giống mới); trồng xen nhiều loại cây cho giá trị kinh tế cao như: cây Tiêu, Sầu Riêng ghép, cây Bơ, Chanh Dây... chính vì vậy mà nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp khá ổn định và ngày càng tăng cao, cải thiện rõ nét đời sống của đại bộ phận dân cư địa bàn.

- Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

Do tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao nên việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn ít phát triển.

Việc thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm còn rất hạn chế. Ở địa phương mới có một Hợp tác xã tổ chức thực hiện, tuy nhiên sản lượng tiêu thụ sản phẩm hàng năm còn khá ít; việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn còn hạn chế.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Thời gian qua địa phương có phối hợp với một số đơn vị chức năng mở một số lớp đào tạo nghề như: dạy may công nghiệp, sửa chữa máy nông nghiệp, lớp nấu ăn, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. Tuy nhiên sau khi đào tạo xong thì cũng không có các đơn vị tuyển dụng.

Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân trên địa bàn trong thời gian qua.

4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Thực hiện Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2011-2015; Nghị quyết 19-NQ/HĐND, ngày 19 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về giảm nghèo giai đoạn 2012 – 2015 và Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo giai đoạn 2010 – 2015; Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 27/7/2016 của Tỉnh ủy về “Công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”, Chương trình số 11-CTr/HU ngày 19/9/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 27/7/2016 của Tỉnh ủy về “Công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”. UBND xã đã xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo và có tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, từ đó có hướng chỉ đạo kịp thời. Qua đó, công tác giảm nghèo được triển khai thực hiện từng bước có hiệu quả, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận với các nguồn vốn phát triển sản xuất, làm nhà ở. Kết quả rà soát, đánh giá đến cuối năm 2019, số hộ nghèo toàn xã là 53 hộ, chiếm 1,38% tổng số hộ dân; hộ cận nghèo 43 hộ, chiếm 1,12%.

Việc thực hiện bảo đảm an sinh xã hội được các đơn vị, địa phương thường xuyên quan tâm, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện. Các cơ quan, đơn vị đã kịp thời giải quyết các chế độ an sinh xã hội, đảm bảo quyền lợi cho người dân; thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội,...; thăm hỏi, tặng quà, hỗ trợ các đối tượng chính sách nhân các dịp lễ, tết; rà soát, thực hiện công tác bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo;... Việc thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (chính sách y tế, giáo dục, tín dụng, khuyến nông - khuyến lâm, nước sinh hoạt, xóa nhà tạm - dột nát...) đã giải quyết được những khó khăn của người nghèo, tạo điều kiện cho hộ nghèo vươn lên để thoát nghèo, góp phần thực hiện đạt tiêu chí về hộ nghèo trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

5. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa xã hội và bảo vệ môi trường

Đã phát huy những thành tích đã đạt được, thực hiện nhiệm vụ năm học 2018 – 2019 theo quy định của ngành giáo dục & Đào tạo. Phần đầu dạy tốt, học tốt, nâng cao tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh khá giỏi và chất lượng giảng dạy của đội ngũ

giáo viên. Duy trì trẻ em đến trường đúng độ tuổi. Chất lượng học sinh lên lớp các cấp đạt trên 97%, chất lượng xét chuyển cấp đạt 100%.

Đẩy mạnh các hoạt động học tập thường xuyên, học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng thông qua việc xây dựng và triển khai đại trà các mô hình học tập và đánh giá, xếp loại, công nhận các danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và “Đơn vị học tập” giai đoạn 2016-2020, góp phần xây dựng xã hội học tập trên địa bàn xã.

Triển khai có hiệu quả các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động hỗ trợ, chăm sóc; tổ chức thăm hỏi, động viên trong các dịp Lễ Tết đối với người có công, hộ nghèo,

Thực hiện tốt công tác dân tộc; công tác tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân theo đúng Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng, đúng pháp luật của tôn giáo.

6. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị – xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Quá trình triển khai, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đã có sự vào cuộc tích cực, chủ động của các cấp, các ngành và nhân dân và tạo ra sức lan tỏa mạnh mẽ. Nhìn một cách tổng thể, người dân đã và đang tạo ra một diện mạo nông thôn mới hiện đại, văn minh. Thực hiện xây dựng nông thôn mới đã giải quyết được những vấn đề cấp thiết trước mắt của người dân nông thôn như đường - trường - điện - trạm và các thiết chế văn hóa, làm nền tảng cho phát triển. Đặc biệt, đã xây dựng được mô hình sản xuất theo hướng hàng hóa và thị trường, thay đổi tư duy và tạo ra một tư duy mới, cách làm mới cho người nông dân: thực sự chuyên nghiệp trong sản xuất, sản xuất mang tính bền vững lâu dài.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã đã khắc phục mọi khó khăn để hoạt động có hiệu quả, đúng thời gian thủ tục hành chính quy định. Tiếp tục thực hiện đề án cải cách hành chính tại xã, tạo điều kiện thuận lợi trong các thủ tục hành chính, thực hiện tốt các thủ tục “một cửa” liên thông trên các lĩnh vực đất đai, thương binh xã hội; đã tạo được bước chuyển biến căn bản trong quan hệ và thủ tục giải quyết công việc giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, công dân; giảm phiền hà cho tổ chức, công dân, chống tệ nạn quan liêu, tham nhũng, của quyền của cán bộ, công chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

Cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn xã trong thời gian qua đã có những bước chuyển biến rõ nét, tích cực; đã rà soát, bãi bỏ được các thủ tục hành chính rườm rà, chồng chéo, loại bỏ được những khâu trung gian, những giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết công việc của tổ chức, công dân góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

7. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, hàng năm Đảng ủy ra Nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo công tác quốc phòng - an ninh, quan tâm chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phương án sẵn sàng chiến đấu, phòng chống tội phạm, luôn nắm chắc tình hình địa bàn, giải quyết dứt điểm các vụ việc xảy ra không để phát sinh thành điểm nóng. Thực hiện tốt công tác chính sách hậu phương quân đội và giải quyết chế độ tồn đọng sau chiến tranh theo Quyết định 62 và quyết định 49 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện tốt công tác diễn tập quân sự, công tác huấn luyện dân quân tự vệ.

Thực hiện tốt về về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự, hàng năm tổ chức kiện toàn, duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo an ninh trật tự xã, tổ bảo vệ an ninh trật tự, tổ an ninh. Đã góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn xã, làm tốt công tác trấn áp đấu tranh phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội được ngăn chặn kịp thời, không có trọng án xảy ra trên địa bàn tạo sự ổn định thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và sự bình yên trong cuộc sống của nhân dân.

8. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a. Kế hoạch huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn năm 2019

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp:
- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân

Ngân sách Trung ương: 4 tỷ đồng

Ngân sách tỉnh: 3,228 tỷ đồng

Ngân sách huyện: 5,150 tỷ đồng

Cộng đồng dân cư: 6 tỷ đồng

b. Kết quả thực hiện các nguồn vốn năm 2019

Ngân sách Trung ương: 4 tỷ đồng

Ngân sách tỉnh: 3,228 tỷ đồng

Ngân sách huyện: 5,150 tỷ đồng

Cộng đồng dân cư: 6 tỷ đồng

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI

Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND tỉnh.

1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch và thực hiện quy hoạch

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành lập Quy hoạch xây dựng đến năm 2020 (theo mô hình nông thôn mới của Chính phủ) và đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 113/QĐ-UBND, ngày 28/02/2012. Trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt, địa phương đã tiến hành niêm yết công khai và công bố rộng rãi để toàn thể nhân dân biết và thực hiện.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện:

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	- Quyết định số 113/QĐ-UBND, ngày 28/02/2012 của UBND huyện . - Công bố quy hoạch: UBND xã ra thông báo quy hoạch, có trưng bày công khai các panô, các bản vẽ quy hoạch tại Trụ sở UBND xã, hội trường thôn và các nơi công cộng khác. Đạt
1.2. Việc đánh giá thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và quản lý quy hoạch xây dựng, áp dụng theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn mới.	- Hàng năm địa phương đã xây dựng các kế hoạch kiểm tra, giám sát việc xây dựng trên địa bàn xã. - Thực hiện công tác kiểm tra, xử lý trật tự xây dựng nhà ở nông thôn theo quy hoạch được duyệt. Đạt

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt**.

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

Trong những 09 năm qua, UBND xã Đức Mạnh đã lồng ghép các nguồn vốn, huy động mọi nguồn lực để đầu tư mạng lưới giao thông nông thôn trên địa bàn xã với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, đến nay, đã cơ bản đạt yêu cầu của tiêu chí.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100% đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải là 7,64/7,64 km, trong đó: 2,266 km đường bê tông xi măng và 5,374 km đường nhựa, đạt 100%.

2.2. Đường trục thôn và đường liên thôn, ít nhất được cứng hóa đạt $\geq 70\%$ đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014	Đường trục thôn, bon, buôn, bản và đường liên thôn, bon, buôn, bản ít nhất được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT là 20,72/28,89km, trong đó: 13,595km đường bê tông xi măng; 1,24km đường nhựa; 5.885km đường đã dăm; còn lại đường cấp phối, đạt 71,72%.
2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% (trong đó $\geq 50\%$ trở lên được cứng hóa)	Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa là 42,358/42,358 km, đạt 100%. Trong đó 34,326/42.358 km được cứng hóa, đạt 81,03%/.
2.4. Đường trục chính nội đồng (đường nối các khu vực sản xuất) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, tỷ lệ mặt đường được cứng hóa đạt $\geq 70\%$ đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định 4927/QĐ-BGVT ngày 25/12/2014;	Các tuyến trục chính nội đồng trên địa bàn xã đều đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, trong đó cứng hóa được 36,232/49.24 km (đường nhựa: 0,91km; cấp phối: 35,322km; đường đất: 12,988km), đạt 73,6%.

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt.**

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

Tăng cường vận động nhân dân hàng năm huy động hàng chục tỷ đồng để tu sửa các hồ đập và làm mới một số hồ để giữ nước mùa khô, chống ngập trong mùa mưa, nhằm đáp ứng tưới tiêu đảm bảo yêu cầu về nguồn nước trong sản xuất và dân sinh trên địa bàn xã; và triển khai bảo đảm các điều kiện về phòng, chống thiên tai tại chỗ, đáp ứng nhu cầu dân sinh.

b. Kết quả thực hiện

- Hiện nay, trên địa bàn xã Đức Mạnh có 04 công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch. Hàng năm, được duy tu, sửa chữa thường xuyên bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành, cũng như đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh trên địa bàn xã. Tỷ lệ diện tích cây trồng có nhu cầu đảm bảo tưới chủ động đạt 80% (3.660/4.576 ha), cụ thể như sau:

Tỷ lệ diện tích cây trồng có nhu cầu đảm bảo tưới tiêu chủ động (ha)	Tổng diện tích cây trồng có nhu cầu tưới, tiêu (ha)	Tổng diện tích cây trồng được tưới, tiêu chủ động (ha)	Diện tích cây trồng được tưới tiêu từ CTTL (ha)	Diện tích cây trồng được tưới từ suối (ha)	Diện tích cây trồng được tưới từ ao hồ nhỏ (ha)	Diện tích cây trồng được tưới từ giếng đào, giếng khoan (ha)
80%	4.576	3.660	2.445	380	750	85

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực			
	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, hàng năm được kiện toàn.	Đạt (QĐ số 82/QĐ-UBND ngày 17/8/2019)	
		b) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương	Đạt (Kế hoạch số 56/UBND-VP)	
	Nguồn nhân lực	a) Có 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác Phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ.	Đạt	
		b) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng quản lý đê nhân dân (nếu có) được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.	Đạt	
		c) Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.	Đạt	
2	Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh			
	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ.	Đạt (Kế hoạch số 56/UBND-VP ngày 21/8/2019)	
	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương	Đạt	

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt	a) Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã phải chuẩn bị, duy trì thường xuyên hoặc có phương án sẵn sàng huy động từ 70% trở lên số lượng của từng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt.	X	
		b) Có 100% tổ chức và từ 70% trở lên số hộ gia đình, cá nhân trong vùng thường xuyên bị thiên tai chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ theo kế hoạch được duyệt và theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo TW về PCTT - Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.	X	
3	Về cơ sở hạ tầng thiết yếu			
	Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng	a) Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, quy hoạch về đê điều (nếu có).	X	
		b) 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.	X	
	Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai	a) Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ	X	
		b) 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo	X	

Stt	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai	Tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai được kiểm tra, phát hiện và xử lý; không để phát sinh những vụ vi phạm mới hoặc phải kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.	X	

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt**.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

b. Kết quả thực hiện

- Trong những năm qua, Điện lực Đắk Mil đã quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống điện cho xã Đức Mạnh đảm bảo yêu cầu của ngành điện theo Quyết định số 4239/QĐ-BCT, ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương.

- Trên địa bàn xã có 100% hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia, sử dụng điện an toàn trên địa bàn xã là 3.775/3.821 hộ trên địa bàn xã chiếm 98,7%.

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt**.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 70\%$.

b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã Đức Mạnh có 5 Trường học (01 trường mầm non, 03 trường tiểu học, 01 trường THCS), đã đạt chuẩn 04 trường, chiếm 80%.

Phân loại trường	Tên trường	Mức độ	Đạt chuẩn	Ghi chú
Mẫu giáo	Sơn Ca	1	Đạt chuẩn	
Tiểu học	Trần Văn Ổn	1	Đạt chuẩn	
	Trần Quốc Toàn		Chưa đạt chuẩn	
	Phan Bội Châu	1	Đạt chuẩn	
THCS	Lê Quý Đôn	1	Đạt chuẩn	

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt**.

6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, đạt 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã Đức Mạnh có 01 nhà văn hóa xã, có sức chứa trên 250 chỗ ngồi, trang thiết bị, công trình phụ trợ, có cán bộ quản lý, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm. Trang thiết bị hội trường nhà văn hóa xã: Bàn, ghế, tủ, trang bị âm thanh ánh sáng, đài truyền thanh, đạt 80%.

- Xã bố trí khu đất với diện tích trên 5.000,0m² để làm sân bóng đá, hiện đã dọn vệ sinh, san ủi mặt bằng, đặt cột gôn; 01 sân bóng đá mi ni, bằng nguồn vốn của tư nhân xây dựng theo mô hình xã hội hoá trị giá hơn 2 tỷ đồng; 01 sân bóng chuyền và bóng rổ trong khuôn viên nhà Thờ Bác Ái để phục vụ nơi vui chơi giải trí cho người dân trên địa bàn.

- Hiện nay, xã có 10 hội trường liên thôn cho 18 thôn đã được trang bị bàn ghế, âm thanh, ánh sáng và xây dựng sân bóng chuyền trong sân hội trường để làm nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a. Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b. Kết quả thực hiện

Trên địa bàn xã có 2 chợ xã đang hoạt động phù hợp với quy hoạch và đang hoạt động.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính;

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet;

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn đáp ứng yêu cầu;

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b. Kết quả thực hiện

- Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính và thùng thư công cộng được đặt tại trụ sở UBND xã.

- Xã có các điểm phục vụ Internet công cộng và cá nhân đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin liên lạc, thu hút các em học sinh, người dân nông thôn tiếp cận

được các thông tin kiến thức, giá cả thị trường thông qua mạng Internet. Tỷ lệ thôn, truy cập được Internet là 18/18 thôn, đạt tỷ lệ: 100%.

- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Xã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành công tác của các lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã.

- Tổng kinh phí đầu tư khoảng 3 tỷ đồng, trong đó: nguồn xã hội hóa 2,5 tỷ đồng.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng trên 75%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trong 09 năm qua, xã đã tập trung thực hiện nhiệm vụ xóa nhà tạm dột nát từ nhiều nguồn vốn khác nhau; đến nay, trên địa bàn xã không còn hộ gia đình sinh sống trong nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng là 3.650/3.821, chiếm 95,5%.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt trên 38 triệu đồng/người/năm.

b. Kết quả thực hiện

Trong những năm qua, địa phương luôn quan tâm tập trung đầu tư phát triển sản xuất, cải thiện đời sống của nhân dân, thu nhập ngày một tăng lên. Thu nhập bình quân đầu người của xã năm đạt 48 triệu đồng/người/năm.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo.

a. Yêu cầu của tiêu chí

Để đạt được tiêu chí về Hộ nghèo, trên địa bàn xã phải có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 $\leq 7\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Ngoài việc thực hiện các chính sách của Nhà nước về công tác xóa đói giảm nghèo, UBND xã Đức Mạnh còn thường xuyên khuyến khích người dân phát triển sản xuất gắn với các ngành nghề nhằm nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã; tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho người nghèo về kiến thức, kỹ năng sản xuất kinh doanh, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Huy động các tổ chức đoàn thể tham gia vào hoạt động xóa đói giảm nghèo; tổ chức rà soát, thống kê kết quả xóa đói giảm nghèo một cách kịp thời, khách quan, không chạy theo thành tích, sát với thực tế của địa phương.

Đồng thời, được sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước cùng với sự nỗ lực của người dân trong công tác xóa đói giảm nghèo nên số hộ nghèo trên địa bàn xã Đức Mạnh năm 2019 là 53 hộ, chiếm 1,38% .

c. Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**.

12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Xã đạt chuẩn về tiêu chí lao động có việc làm khi có tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở.

b. Kết quả thực hiện:

Hiện tại, trên địa bàn xã số người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên là 93%, chủ yếu là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

c. Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**.

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Xã Đức Mạnh luôn tạo mọi điều kiện khuyến khích thành lập các HTX, các THT và các nhóm sở thích được thành lập và hoạt động có hiệu quả hơn về chất lượng và số lượng, góp phần phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn xã. Năm 2018, xã đã hỗ trợ thành lập Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Đức Mạnh.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.	Xã có 01 Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp Đức Mạnh hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 với trên 50 hội viên, diện tích trên 120ha. Hợp tác xã đã ký cam kết bao tiêu nông sản chủ lực là cà phê nhân xô với hội viên Hợp tác xã. Đạt
13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Xã có 04 tổ hợp tác sản xuất cà phê 4C có liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đạt

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt**.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

Trong thời gian qua, công tác phát triển giáo dục tiếp tục được chú trọng đầu tư phát triển, giáo dục được chú trọng đầu tư về quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục; Duy trì và phát triển các thành quả đã đạt được về phổ cập trung học cơ sở, duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, học nghề). Tuyên truyền, vận động nhân dân nhận thức đúng vị trí của giáo dục trong chiến lược phát triển con người, đẩy mạnh thực hiện chương trình xã hội hóa

giáo dục, hình thành các quỹ khuyến học nhằm động viên, khen thưởng các học sinh có thành tích học tập khá, giỏi...

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
<p>14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở</p> <p><i>a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp hàng năm của xã đạt $\geq 100\%$ so với tổng số trẻ em 5 tuổi trong độ tuổi đi học toàn xã của năm kiểm tra. - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non hàng năm của xã đạt $\geq 85\%$ so với tổng số trẻ em 5 tuổi theo học tại các trường của toàn xã năm kiểm tra. <p><i>b) Xóa mù chữ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ huy động số người trong độ tuổi từ 15- 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 hàng năm của xã đạt $\geq 85\%$ so với tổng số người trong độ tuổi của toàn xã năm kiểm tra. <p><i>c) Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 hàng năm của xã đạt $\geq 95\%$ so với tổng số trẻ em 6 tuổi trong độ tuổi đi học toàn xã của năm kiểm tra. - Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm của xã đạt $\geq 85\%$ so với tổng số trẻ em 11 tuổi theo học tại các trường của toàn xã của năm kiểm tra. <p><i>d) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm của xã đạt $\geq 95\%$ so với tổng số học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 9 (phổ thông, bổ túc) toàn xã của năm kiểm tra. - Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS (bao gồm phổ thông, bổ túc) hàng năm của toàn xã đạt $\geq 85\%$ so với tổng số thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi toàn xã của năm kiểm tra. 	<p><i>a. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đạt</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp của xã là 294/294 em, đạt 100%. - Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non của xã là 304/304 em, đạt 100%. <p><i>b. Xóa mù chữ: Đạt mức độ 2</i></p> <p>Tỷ lệ huy động số người trong độ tuổi từ 15-60 tuổi được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 hàng năm của xã đạt 99,87%.</p> <p><i>c. Phổ cập giáo dục tiểu học: Đạt mức độ 2</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 hàng năm của xã là 304/304 học sinh, đạt 100%. - Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm của xã là 281/287 học sinh, đạt 97,91%. <p><i>d. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm của xã là 315/317 học sinh, đạt 99,37%. - Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS (bao gồm phổ thông và bổ túc) hàng năm của xã là 1.117/1.177 học sinh, đạt 94,9%.
<p>14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)</p>	<p>Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học lên trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) của xã là 1.082/1.177 học sinh, đạt 91,93%. Đạt</p>
<p>14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo $\geq 25\%$.</p>	<p>Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo từ sơ cấp (03 tháng) trở lên đạt 40%. Đạt</p>

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Ban chỉ đạo xã đã làm việc và quán triệt với các thôn, các trường học vận động các phụ huynh học sinh còn lại chưa tham gia bảo hiểm y tế vì quyền lợi của mình cho con em tham gia bảo hiểm y tế; Xã phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện mở các đại lý liên kết bán bảo hiểm y tế tại các thôn;

- Cơ sở y tế tiếp tục được củng cố, đổi mới đóng vai trò quan trọng trong hoạt động y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Triển khai tốt công tác khám chữa bệnh tại trạm y tế nhằm thu hút bệnh nhân tới khám và điều trị, góp phần giảm tải cho tuyến trên; làm tốt công tác tuyên truyền đến toàn thể Nhân dân trên địa bàn xã biết cách phòng, chống dịch bệnh xảy ra đối với con người, đặc biệt là dịch viêm phổi do virus corona gây ra hiện nay; tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên	Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người tham gia BHYT trong toàn xã đạt 85,22% (11.384/13.359 người). Đạt
15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Năm 2016, xã đã đạt chuẩn quốc gia được công nhận tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông. Đạt
15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 31,4%.	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi 19,3 % (298/1.544 em). Đạt

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a. Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định đạt từ 70% trở lên.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí

Thực hiện phong trào xây dựng xã văn hóa gắn liền với xây dựng nông thôn mới, thời gian qua địa phương xã thường xuyên vận động nhân dân thực hiện xây dựng các thiết chế văn hóa, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ngày càng phát triển mạnh. Hiện nay, có 18/18 thôn, đạt chuẩn thôn văn hóa, chiếm 100% .

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã giữ gìn vệ sinh chung, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Tiến hành thực hiện công tác tuyên truyền vận động nhằm

nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành thực hiện cam kết bảo vệ môi trường đối với tất cả các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã. Trường hợp không chấp hành đúng nội dung cam kết thì tiến hành xử phạt hành chính về lĩnh vực môi trường theo quy định.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện:

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh $\geq 95\%$ (trong đó $\geq 50\%$ nước sạch).	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh $\geq 95\%$ (trong đó $\geq 50\%$ nước sạch). Đạt
17.2. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo theo quy định về môi trường phải đạt 100%	Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh (Trên địa bàn huyện không có cơ sở nuôi trồng thủy sản, làng nghề) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 90/160 cơ sở, còn 70 cơ sở sản xuất - kinh doanh chưa thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường. Qua rà soát thực tế thì có 52 cơ sở sản xuất - kinh doanh đã ngừng hoạt động, còn 18 cơ sở sản xuất - kinh doanh địa phương đã phối hợp với Phòng tài Nguyên & Môi trường hướng dẫn các cơ sở hoàn tất hồ sơ cam kết thực hiện các quy định bảo vệ môi trường. Đạt 100%.
17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Các khu vực công cộng trên địa bàn xã không xây ra hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan; Hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng thường xuyên được vệ sinh, sạch sẽ. Đạt
17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Mai táng trên địa bàn xã phù hợp với quy định và theo quy hoạch. Đạt
17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Về nước thải: Các hộ dân tự xây dựng hệ thống hầm tự hoại cải tiến và hầm rút để thu gom và xử lý nước thải. Có hệ thống cống rãnh tiêu thoát nước mưa, nước thải đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tồn đọng nước thải. Về chất thải rắn: Chất thải rắn trên địa bàn được Công ty TNHH MTV quản lý đô thị và môi trường Krông Ana thu gom, vận chuyển chất thải rắn đến bãi rác hợp vệ sinh. Đạt
17.6. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 70\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch là 3.775/3.821 hộ, đạt 98,7%. Đạt

17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 60\%$	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường là 80/102 hộ, đạt 78%. Trong đó, có 01 trang trại chăn nuôi tương đối lớn, còn lại là chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình.
17.8. 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ đúng các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm: 85/85 cơ sở (18 cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ kinh doanh ăn uống, 45 cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ buôn bán tạp hóa, tạp phẩm, 22 hộ cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ buôn bán các sản phẩm từ nông nghiệp, đạt 100%. Ngoài ra, UBND xã đã chỉ đạo Ban tự quản các thôn rà soát được 2.120 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, hiện đang chỉ đạo các bộ phận chuyên môn và Ban tự quản thôn tiến hành ký cam kết tuân thủ đúng các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt.**

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Đảng bộ, chính quyền xã đã từng bước nâng cao trình độ, lề lối làm việc của cán bộ, công chức xã. Đảm bảo hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh, xây dựng bộ máy điều hành quản lý Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, xuất phát từ lợi ích của nhân dân.

- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự giám sát của nhân dân trong hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao vai trò của ban tự quản thôn, thường xuyên gần gũi nhân dân để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân, làm cầu nối để cơ quan và nhân dân thực sự gắn bó, đoàn kết, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân.

- Cùng cố đội ngũ cán bộ tham mưu giúp việc của UBND xã, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, LLCT cho cán bộ được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Việc đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới được thực hiện công khai, minh bạch, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đã có tác động tích cực đến việc bảo đảm điều kiện tiếp cận pháp luật của nhân dân trong xã.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định	Có 20 CBCC/21 CBCC đạt chuẩn, có 01 đồng chí Phó chủ tịch UBND xã chưa đạt chuẩn (Chưa có bằng trung cấp lý luận chính trị). Hiện Ban thường vụ Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Nội vụ phối hợp với UBND xã Đức Mạnh hoàn tất các thủ tục cho nghỉ việc và bố trí cán

	bộ thay thế đạt chuẩn theo quy định. Đạt
18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Tổ chức trong tổ chức hệ thống chính trị ở xã gồm: Đảng ủy; Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Đạt
18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”, bao gồm: a) Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh”. b) Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.	Đảng bộ, Chính quyền xã đạt “Trong sạch vững mạnh” (Thông báo số 152/TB-BTC, ngày 07/01/2019 của Ban Tổ chức Huyện ủy Đắk Mil).
18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá, xuất sắc trong năm 2019: 100%. Đạt
18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Năm 2019, xã đã được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định; đảm bảo bình đẳng giới và không có bạo lực gia đình tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của UBND huyện.
18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Địa phương luôn chú trọng bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương, đảm bảo bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình. Hầu hết phụ nữ thuộc hộ nghèo được hỗ trợ về phát triển sản xuất và vay vốn. Quan tâm, thường xuyên quán triệt và thực hiện đảm bảo các hộ bảo trợ xã hội được hưởng đầy đủ quyền lợi. Đạt

c. Đánh giá tiêu chí: **Đạt**.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện

Đảng ủy, chính quyền địa phương thường xuyên tập trung chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ, tổ chức tốt công tác tuyên truyền vận động quần chúng tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, phong trào toàn dân tham gia đấu tranh tố giác tội phạm đặc biệt chú trọng vào vùng đồng bào dân tộc tại chỗ, vùng đồng bào có đạo. Qua đó, giữ vững ổn định chính trị, an ninh trật tự trên địa bàn, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

b. Yêu cầu và kết quả thực hiện:

Yêu cầu	Kết quả thực hiện tiêu chí
19.1. Thực hiện xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng a) Xây dựng ban chỉ huy quân sự và dân quân tự vệ xã.	a) Xây dựng ban chỉ huy quân sự và dân quân tự vệ xã. - Số lượng cán bộ Ban CHQS xã đủ 04 bao gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chỉ huy phó, Chính trị viên phó. Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng được đào tạo

<p>b) Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”</p> <p>c) Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng</p>	<p>đăng ngành quân sự cơ sở;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật. <p>b) <i>Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị đảm bảo theo quy định. - Huấn luyện: Năm 2019 100% cơ sở Dân quân được huấn luyện, quân số phải huấn luyện chiếm 95% tổng quân số cán bộ, chiến sĩ Dân quân, kết quả huấn luyện 100% đạt yêu cầu, 75% trở lên khá, giỏi. - Xã Đức Mạnh không thuộc xã trọng điểm về Quốc phòng, an ninh nên không xây dựng tiêu đội dân quân thường trực. <p>c) <i>Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ các kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng. - Tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm; không có quân nhân đào, bỏ ngũ bị kỷ luật tước quân tịch trả về địa phương. - 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. - 100% phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu Ban Chỉ huy quân sự huyện giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh. - Hằng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của pháp luật. - Lập danh sách lực lượng dân quân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao. <p>Đạt</p>
--	---

<p>19.2. Về xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.</p>	
<p>a. Hàng năm, đảng ủy có nghị quyết, ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở</p>	<p>- Hàng năm, đảng ủy có nghị quyết về công tác đảm bảo AN-QP trên địa bàn xã. - UBND xã ban hành và triển khai kế hoạch chỉ đạo công tác đảm bảo ANTT, phòng ngừa ngăn chặn đẩy lùi các loại tội phạm trên địa bàn xã. Đạt</p>
<p>b. Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.</p>	<p>Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn ổn định và giữ vững, không có tình trạng khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp. Đạt</p>
<p>c. Không để xảy ra trọng án trên địa bàn: Không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại Điều 123, 125, 127, 13, 134, 135, 141, 142, 143, 144 của Bộ luật Hình sự năm 2015.</p>	<p>Trong năm trên địa bàn xã không xảy ra các vụ trọng án theo quy định của Bộ luật hình sự 2015. Đạt</p>
<p>d. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.</p>	<p>Các loại tội phạm tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế giảm liên tục so với các năm trước. Đạt</p>
<p>e. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; không thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự (trừ các xã đảo, xã có đường biên giới quốc gia).</p>	<p>Hàng năm, xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự theo quy định. - Tỷ lệ thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự: có 18/18 thôn, đạt 100%. - Công an xã hàng năm đều đạt danh hiệu xuất sắc trong việc giữ gìn an ninh, trật tự xã hội. - Thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn. Đạt</p>
<p>f. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an.</p>	<p>Công an xã thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Pháp lệnh công an xã năm 2008 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trong năm không có đồng chí nào vi phạm kỷ luật. Đạt</p>

c. Đánh giá tiêu chí: Đạt.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt) được địa phương chú trọng, ưu tiên nguồn lực đầu tư để xây dựng mới, nâng cấp, góp phần thay đổi đáng kể diện mạo, bộ mặt nông thôn, bước đầu cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống của người dân.

- Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã được địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nâng cao lợi thế cạnh tranh các sản phẩm thế mạnh của địa phương. Theo đó, đã tạo bước đổi phá trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ một số cây có giá trị kinh tế thấp (lúa, ngô) sang trồng rau, hoa; chuyển đổi một phần diện tích cà phê, cao su cho năng suất thấp sang trồng cây ăn quả (bơ, sầu riêng, xoài). Ngoài ra, từng bước hình thành các vùng sản xuất cà phê, cây ăn quả tập trung, có chứng nhận nhằm nâng cao giá trị sản phẩm.

- Chất lượng đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân trên địa bàn ngày càng được nâng cao. Các địa phương đều có nhà văn hóa, sân thể thao để phục vụ nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao của người dân.

- Công tác bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn đã được địa phương chú trọng, bố trí nguồn lực đầu tư thực hiện. Nhiều mô hình thu gom rác thải, trồng hoa, lắp điện chiếu sáng hai bên đường được người dân tham gia nhiệt tình. Qua đó, từng bước hình thành các khu dân cư nổi bật về cảnh quan đường làng, ngõ xóm “sáng, xanh, sạch, đẹp”, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn.

2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

2.1. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu

- Chất lượng các quy hoạch chưa cao, chưa đảm bảo tính lâu dài; chưa gắn kết vùng trong phát triển, chưa phát huy cao hiệu quả lợi thế, đặc thù của từng địa phương; công tác quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch còn lúng túng. Đến nay, xã chưa hoàn thành lập quy hoạch chi tiết xây dựng nông thôn mới (*do nguồn kinh phí lập quy hoạch còn hạn hẹp*).

- Công tác quản lý, khai thác, nâng cấp, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sạch, các thiết chế văn hóa, thể thao ở một số địa phương còn chậm, hiệu quả chưa cao.

- Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt vẫn còn thấp; tính chủ động của các xã trong việc tìm kiếm, khuyến khích xã hội hóa trong việc thu gom rác thải chưa cao; việc phát động nhân dân trồng cây xanh, hoa hai bên đường chưa phát triển thành phong trào sâu rộng mà mới dừng lại ở các mô hình. Một số xã đã đạt tiêu chí môi trường nhưng thực sự bền vững và chưa đi vào chiều sâu.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm; các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở nông thôn chậm đổi mới và hoạt động hiệu quả chưa cao. Kinh tế hộ vẫn là chủ yếu, mang nặng tính tự phát, khó tiếp cận với các chính sách hiện hành.

- Các chương trình triển khai đôi lúc còn chông chéo, thiếu đồng bộ nên chưa phát huy hết hiệu quả; việc thực hiện các chương trình đầu tư cho giảm nghèo còn dàn trải, hiệu quả chưa cao.

- An ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn định; tình trạng vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội diễn biến khá phức tạp.

- Ở hầu hết các xã các tiêu chí cần nguồn vốn đầu tư lớn như Giao thông, thủy lợi, trường học, cơ sở vật chất văn hoá, nhà ở dân cư... mới đạt ở mức thấp; một số chỉ tiêu nhỏ trong các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tuy không cần vốn đầu tư như BHYT, xây dựng tổ chức chính trị vững mạnh, an ninh trật tự và tệ nạn nông thôn; vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm vẫn chưa có giải pháp sáng tạo để đạt hiệu quả và duy trì bền vững.

2.2. Nguyên nhân hạn chế

** Nguyên nhân khách quan:*

Sản xuất nông nghiệp mặc dù đã chuyển biến nhưng nhìn chung vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, chạy theo thị trường, chưa hình thành được chuỗi giá trị sản xuất bền vững, cùng với đó thời tiết khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả vật tư đầu vào cho sản xuất liên tục tăng cao nên thu nhập của người dân còn bấp bênh, phụ thuộc nhiều vào giá cả thị trường. Một số xã có sản phẩm nông nghiệp chủ lực để phát triển nhưng thiếu sự liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã nên đến khi thu hoạch vẫn còn lúng túng tìm kiếm thị trường tiêu thụ, bị tư thương ép giá đã ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận người dân trên địa bàn.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Công tác phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết ở địa phương chưa sâu; nhận thức của một số cán bộ, người dân chưa cao, chưa đầy đủ; một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thật sự chủ động trong việc triển khai thực hiện các tiêu chí thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương mình phụ trách.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành chưa thực sự quyết liệt, còn lúng túng, thiếu đồng bộ; một số cơ chế, chính sách còn bất cập, khó áp dụng, người dân và các doanh nghiệp khó tiếp cận,...

- Chưa có giải pháp sáng tạo, đột phá đem lại hiệu quả cao trong việc thực hiện các tiêu chí, nhất là các chỉ tiêu “mềm” trong các tiêu chí mà không cần vốn đầu tư.

- Nhận thức của một bộ phận người dân trong xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, chưa quyết tâm và vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

- Cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới xã chủ yếu hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên chưa thực sự chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện chương trình.

V. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI.

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình xây dựng nông thôn mới là nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao đời sống người dân nông thôn; phải

quan tâm đến lợi ích thực sự của người dân cả tinh thần lẫn vật chất, phát huy vai trò làm chủ của người dân, đề dân tự làm, tự giám sát.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2021 xã Đức Mạnh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và xây dựng hoàn thành khu dân cư kiểu mẫu.

- Phấn đấu đến năm 2025, xã Đức Mạnh đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban quản lý cấp xã, Ban phát triển thôn, ban trong chỉ đạo, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương, tăng cường trách nhiệm, sự phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong công tác tham mưu; tập trung đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch năm 2020; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất về Ban chỉ đạo huyện để chỉ đạo, tháo gỡ; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định.

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền để làm chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện sâu rộng và thiết thực phong trào thi đua “Đắk Nông chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Công tác tuyên truyền, vận động phải thực hiện thường xuyên, liên tục bằng nhiều hình thức thiết thực để người dân dễ hiểu và tích cực tham gia hưởng ứng trên tinh thần tự nguyện; tuyệt đối không được ép buộc hay gây phiền hà, những nhiễu cho người dân.

- Tổ chức Lễ công bố vào quý I/2020 đảm bảo đúng theo quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm và triển khai các hoạt động truyền thông để người dân địa phương biết và tham gia hưởng ứng.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn về xây dựng nông thôn mới; khai các Bộ tiêu chí mới (*Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; Bộ tiêu chí xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; Bộ tiêu chí vườn mẫu-rẫy mẫu trong xây dựng nông thôn mới*).

- Tổ chức triển khai thực hiện “Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030” và “Đề án quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035”. Tập trung xây dựng các mô hình phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương. Hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển, thúc đẩy các mô hình hợp tác xã liên doanh, liên kết có hiệu quả; Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) phù hợp với tình hình của địa phương, nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, mang tính đặc trưng, lợi thế của xã. Phấn đấu trong năm 2020, xã phải có từ 1-2 sản phẩm đạt tiêu chuẩn 3-4 sao.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng thiết yếu ở vùng nông thôn nhằm từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí và đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn; trong đó ưu tiên hoàn thiện hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh như: đường giao thông, nước sinh hoạt, cơ sở vật chất văn hóa, trạm y tế, điện.

- Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tập trung phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn; tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; quan tâm đầu tư xây dựng các khu vui chơi, giải trí để đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho người già và trẻ em nông thôn; nhân rộng các mô hình về giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống tốt đẹp của các xã. Tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; tiến hành thu gom và xử lý chất thải theo quy định; xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp; khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh bị ô nhiễm...

- Phát huy vai trò trong việc thực hiện, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao, cải thiện chất lượng các dịch vụ hành chính công ở cơ sở, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, giao dịch. Thường xuyên đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội địa bàn nông thôn; nâng cao vai trò hoạt động của các Tổ dân quân tự vệ ở địa phương. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nhất là các xã vùng trọng điểm, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn, thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2020 nhằm củng cố các tiêu chí cơ sở hạ tầng của địa phương.

4. Đề xuất, kiến nghị:

Đề nghị cấp có thẩm quyền hàng năm phân bổ kinh phí để đảm bảo giữ vững các tiêu chí đã đạt và tiếp tục thực hiện bộ tiêu chí nâng cao, kiểu mẫu./.

Nơi nhận:

- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- BCD các CT MTQG huyện;
- Văn phòng ĐP NTM huyện;
- Ban Quản lý cấp xã;
- Đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Thái Quang Cường

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
XÃ ĐỨC MẠNH, HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND, ngày 24/3/2020 của UBND xã Đức Mạnh)

Stt	Tiêu chí	Chi tiêu	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Đ/v Xã KVI)	Kết quả tự đánh giá của xã
NHÓM I: QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt
NHÓM II: HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao Thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi thuận tiện quanh năm	100%	100% (7,64/7,64 km)
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥70%	71,72% (20,72/28,89 km)
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (≥50% cứng hóa)	100% (Cứng hóa 34,326/42,358km đạt 81,03%)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	≥70%	73,6% (36,232/49,24km)

3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên 3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	≥ 80%	80%	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	An toàn	Đạt	Đạt
5	Trường học	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Đạt	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định 6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt	Đạt	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	Không	Đạt	Đạt
			≥ 75%	95,5% (3650/3821 hộ)	Đạt

NHÓM III: KINH TẾ VÀ TỎ CHỨC SẢN XUẤT

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2017 (triệu đồng/người)	≥38 triệu đồng/người/năm	48 triệu đồng/người/năm	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤7%	1,38%	Đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	93%	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Có	Có	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Có	Có	

NHÓM IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%	91,93% (1.082/1.177 học sinh)	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%	40%	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥ 85%	85,22% (11.384/13.359 người)	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤31,4%	19,3% (298/1544 em)	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥ 70%	100% (18/18 thôn)	Đạt
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥95% (≥50% nước sạch)	≥95% (50% nước sạch)	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt (Công ty TNHH MTV quản lý đô thị và môi trường Krông Ana thu gom rác thải)
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 70%	98,7% (3.775/3.821 hộ)	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 60%	78% (80/102 hộ)	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100% (85/85 cơ sở)	
		NHÓM V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt